
CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI TÍNH TUÂN THỦ THUẾ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP BẤT ĐỘNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vương Thị Bạch Tuyết

Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

Email: tuyetvtb@utt.edu.vn

Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

Email: trangntq@utt.edu.vn

Ngô Thị Hương

Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

Email: huongnt@utt.edu.vn

Mã bài: JED-1416

Ngày nhận bài: 26/09/2023

Ngày nhận bài sửa: 05/12/2023

Ngày duyệt đăng: 02/01/2024

DOI: 10.33301/JED.VI.1416

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với nghiên cứu định lượng thông qua kiểm định độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá và phân tích mô hình hồi quy tuyến tính bội với dữ liệu khảo sát từ các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả cũng đưa ra các một số giải pháp khuyến nghị tới các cơ quan quản lý thuế như hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế nhằm nâng cao nhận thức và tính tuân thủ thuế tự nguyện tại doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Từ khoá: Tuân thủ thuế, quản lý thuế, cơ quan thuế, doanh nghiệp bất động sản.

Mã JEL: M48, C83

Determinants of tax compliance at real estate firms in Hanoi

Abstract

This study explores the factors that influence the tax compliance behavior of businesses, thereby proposing suggestions to improve the tax compliance behavior of real estate enterprises in Hanoi. The research employs qualitative and quantitative research through testing scale reliability, exploratory factor analysis, and multiple linear regression with survey data from real estate firms in Hanoi. Based on the findings, we also offer several recommendations such as improving tax policies and laws, strengthening tax inspection and audit work to raise awareness and voluntary tax compliance at real estate firms in Hanoi.

Keywords: Tax compliance, tax administration, tax authority, real estate firms.

JEL Codes: M48, C83

1. Giới thiệu

Thuế là một công cụ quản lý kinh tế rất quan trọng của mỗi quốc gia. Quốc Hội (2019) nêu rõ trong Luật Quản lý thuế: “*Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của các tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế*”. Nguồn thu từ thuế chiếm tỷ trọng lớn trong Ngân sách nhà nước, nhằm giúp các cơ quan quản lý Nhà nước thực thi chức năng, nhiệm vụ của mình. Vậy làm sao để các khoản thuế được thu đúng, đủ và kịp thời luôn là bài toán khó với các cơ quan quản lý thuế.

Đã có nhiều nhà nghiên cứu đưa ra các quan điểm của mình về hành vi tuân thủ thuế. Tuân thủ thuế theo cách hiểu đơn giản nhất là mức độ người nộp thuế chấp hành nghĩa vụ thuế được quy định trong luật thuế (James & Alley, 2002). Hay, tuân thủ thuế là thuật ngữ để mô tả hành vi của người nộp thuế sẵn sàng đóng thuế (Kirchler, 2007). Trong khi đó, Alabede & Affrin (2011) mô tả tuân thủ thuế là tuân thủ các luật thuế bằng cách báo cáo cơ sở thuế trung thực, tính toán chính xác, điền các tờ khai và giải quyết các nghĩa vụ thuế đúng hạn. Như vậy, tuân thủ thuế có thể được hiểu là việc người nộp thuế thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, bao gồm đăng ký thuế, kê khai, tính thuế, nộp thuế và các yêu cầu khác trong chính sách, pháp luật thuế.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, trong thời gian qua, thị trường bất động sản Việt Nam đã có sự phát triển nhanh chóng và trở thành thị trường quan trọng, có phạm vi ảnh hưởng rộng đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Trên thực tế, hoạt động chuyển nhượng bất động sản của nhiều doanh nghiệp bất động sản diễn ra sôi động trên khắp các tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, số thuế thu nhập doanh nghiệp thu được từ hoạt động này rất hạn chế (Ngô Thị Hồng Ánh, 2020). Do vậy, trong nghiên cứu này, tác giả sẽ tiến hành nhận dạng và xác định mức độ tác động của các nhân tố đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là cơ sở góp phần giúp cơ quan quản lý thuế hoàn thiện chính sách, nâng cao hiệu quả thu thuế, từ đó đáp ứng yêu cầu về nguồn thu ngân sách nhà nước, đảm bảo công bằng xã hội.

Về mặt bố cục, ngoài phần giới thiệu, bài viết sẽ bao gồm các phần sau đây: Tổng quan nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và thảo luận, kết luận, các hạn chế và hướng nghiên cứu.

2. Tổng quan và giả thuyết nghiên cứu

Hành vi tuân thủ có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố, trong đó những nhân tố ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế là khác nhau giữa nước này với nước khác và giữa cá nhân này với cá nhân khác (Kirchler, 2007). Hành vi tuân thủ thuế gắn liền với các vấn đề nhức nhối trong nền kinh tế của mọi quốc gia, do đó đã có nhiều nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới việc tuân thủ thuế. Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu tiềm nhiệm kết hợp với phỏng vấn chuyên gia, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới tính tuân thủ thuế tại các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các giả thuyết được đưa ra bao gồm:

2.1. Nhân tố đặc điểm doanh nghiệp (DN)

Có nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các đặc điểm về đặc điểm của doanh nghiệp như quy mô, loại hình sở hữu, cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp có tác động thuận chiều với tuân thủ thuế. Theo Coolidge & Ilic (2009), quy mô của doanh nghiệp tăng lên sẽ dẫn đến chi phí tuân thủ thuế tăng lên. Vì vậy các doanh nghiệp lớn thường sử dụng các cách thức tinh vi để tối thiểu hoá chi phí thuế. Theo nghiên cứu của tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD (2004), mức độ tuân thủ thuế có thể khác nhau giữa các loại hình sở hữu doanh nghiệp khác nhau như doanh nghiệp một thành viên và công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước. Trong khi đó, Torgler (2003) cho rằng các doanh nghiệp sẽ gia tăng hành vi trốn thuế khi tình hình tài chính khó khăn, bởi vì khi đó, doanh nghiệp cần tập trung nguồn lực tài chính cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh. Do đó tình hình tài chính có ảnh hưởng tới tính tuân thủ thuế. Nghiên cứu của Alabede & Affrin (2011) đã chỉ ra rằng tình hình tài chính có ảnh hưởng lớn đến thu nhập và hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp ở Nigeria.

Ngoài ra, tính tuân thủ thuế còn phụ thuộc vào sự hiểu biết về pháp luật, chính sách thuế. Sự hiểu biết về các pháp luật thuế tốt sẽ nâng cao tính tuân thủ thuế (Sigle & cộng sự, 2022). Trong một số trường hợp người nộp thuế không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế một cách đầy đủ không phải vì họ không muốn tuân thủ mà do

sự phức tạp của luật thuế khiến họ hiểu rõ trách nhiệm của mình (còn gọi là kháng thuế thụ động). Do đó, giả thuyết nghiên cứu được tác giả đề xuất như sau:

H1: Nhân tố đặc điểm doanh nghiệp có tác động thuận chiều với tính tuân thủ thuế tại các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.2. Nhân tố kinh tế (KT)

Các nhân tố trong nền kinh tế như lãi suất thị trường, tỷ lệ lạm phát có ảnh hưởng đáng kể tới tính tuân thủ thuế (Nguyễn Thị Lệ Thúy, 2009). Khi lãi suất tăng hoặc tỷ lệ lạm phát ở mức cao ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ suất sinh lời của hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó các doanh nghiệp có xu hướng giảm gánh nặng thuế thông qua việc tránh thuế hoặc trốn thuế.

Sự nhận thức được tốc độ phát triển của nền kinh tế trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tác động tính tuân thủ thuế (Hamza & Mulugeta, 2018). Các doanh nghiệp ý thức được trách nhiệm tuân thủ chính sách thuế để đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, từ đó mở rộng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Hiệu quả của chi tiêu công từ tiền thuế cũng ảnh hưởng tích cực tới tính tuân thủ thuế. Khi số tiền thu thuế được Chính phủ sử dụng một cách hiệu quả, đúng đắn sẽ giúp người nộp thuế có ý thức tự giác cao hơn khi thực hiện trách nhiệm thuế. Ngược lại, tình trạng tham nhũng, thất thoát ngân sách sẽ là yếu tố cản trở hành vi tuân thủ thuế.

Theo James & Alley (2002), sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp được giải thích bằng các quyết định kinh tế, nghĩa là xem xét các tác động kinh tế thông qua chi phí tuân thủ thuế. Các doanh nghiệp luôn có động cơ tối ưu hoá lợi ích của họ, họ sẽ tuân thủ thuế khi nhận thấy chi phí của việc tuân thủ nhỏ hơn lợi ích họ nhận được.

H2: Nhân tố kinh tế có tác động thuận chiều với tính tuân thủ thuế tại các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.3. Nhân tố xã hội (XH)

Đặc điểm xã hội ảnh hưởng đến tinh thần thuế từ đó tác động đến ý thức tuân thủ thuế. Các đặc điểm xã hội được thể hiện thông qua các yếu tố như vai trò/ vị thế/ danh tiếng của doanh nghiệp trong xã hội; Các chuẩn mực, quy tắc xã hội (văn hóa về thuế); và tính công bằng trong xã hội (Battiston & Gamba, 2013; Liu, 2014). Dư luận xã hội, văn hoá nộp thuế sẽ ảnh hưởng tới tính tuân thủ thuế vì nó ảnh hưởng tới uy tín, hình ảnh của doanh nghiệp trên thị trường (Bobek & cộng sự, 2007). Ngoài ra, các quy tắc, chuẩn mực xã hội cũng như áp lực xã hội vô hình sẽ ảnh hưởng đến quyết định có tuân thủ thuế hay không (Torgler, 2007). Nếu người nộp thuế nhận thấy tình trạng không tuân thủ là phổ biến, họ cũng có thể chọn không tuân thủ thuế theo đám đông (Kirchler & cộng sự, 2008).

Kostritsa & Sittler (2017) đã nghiên cứu tác động của các chuẩn mực xã hội, sự tin tưởng vào sự công bằng trong xã hội đối với việc tuân thủ thuế tự nguyện ở Áo. Nghiên cứu chỉ ra rằng các tiêu chuẩn đạo đức và nhận thức được sự công bằng ảnh hưởng trực tiếp đến việc tuân thủ thuế tự nguyện ở quốc gia này.

H3: Nhân tố xã hội có tác động thuận chiều với tính tuân thủ thuế tại các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.4. Nhân tố pháp luật, chính sách thuế (PL)

Pháp luật, chính sách thuế là một trong những nhân tố quan trọng trong phân tích sự tuân thủ thuế. Việc tuân thủ thuế tự nguyện phần lớn được quyết định bởi sự tin tưởng của người nộp thuế đối với pháp luật, chính sách thuế bởi vì pháp luật thuế bắt buộc các doanh nghiệp tuân thủ thuế chủ yếu dựa vào quyền lực của Chính phủ (Kirchler & cộng sự, 2008).

Chính sách thuế ổn định, rõ ràng, dễ hiểu và đảm bảo tính công bằng sẽ giúp nâng cao tính tuân thủ thuế. Ngược lại, các kẽ hở trong chính sách thuế chính là cơ hội cho các doanh nghiệp tận dụng để trốn thuế. Vì vậy việc xây dựng một hệ thống thuế ổn định, rõ ràng sẽ giúp tăng hiệu quả quản lý thuế từ đó ý thức tuân thủ thuế của người nộp thuế cũng tăng lên.

Ngoài ra, pháp luật, chính sách thuế cần tăng cường các biện pháp, chế tài trong việc xử lý hành vi gian lận thuế (Lalo, 2019). Hiện nay cơ chế quản lý thuế theo định hướng người nộp thuế tự khai, tự tính, tự nộp. Do đó, sự tuân thủ thuế sẽ cao hơn khi cơ quan thuế có những quy định và thực thi sự trừng phạt nghiêm

khắc với những hành vi không tuân thủ thuế.

H4: Nhân tố pháp luật, chính sách thuế có tác động thuận chiều với tính tuân thủ thuế tại các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.5. Nhân tố cơ quan thuế (CQT)

Kiểm tra, thanh tra thuế là một trong những chính sách hữu hiệu nhất để ngăn ngừa hành vi trốn thuế của doanh nghiệp. Công tác thanh tra thuế được thực hiện để đánh giá việc chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế hay đánh giá tính đầy đủ và chính xác của các tài liệu trong hồ sơ thuế. Thanh tra thuế có tác dụng tích cực trong việc sớm phát hiện và ngăn chặn các hành vi gian lận thuế, từ đó giảm tình trạng trốn thuế và buộc người nộp thuế phải tuân thủ thuế (Jackson & Jaouen, 1989).

Mức độ kiểm tra, thanh tra thuế có thể được xác định bởi hai yếu tố: (i) có bao nhiêu người nộp thuế được chọn để kiểm tra và (ii) làm thế nào việc kiểm tra, thanh tra thuế đảm bảo tính chuyên sâu (Hyun, 2005). Tuy nhiên, việc kiểm tra, thanh tra thuế sẽ phát sinh chi phí hành chính. Do đó các cơ quan quản lý thuế sẽ gặp những khó khăn nhất định trong việc tiến hành kiểm tra, thanh tra thuế.

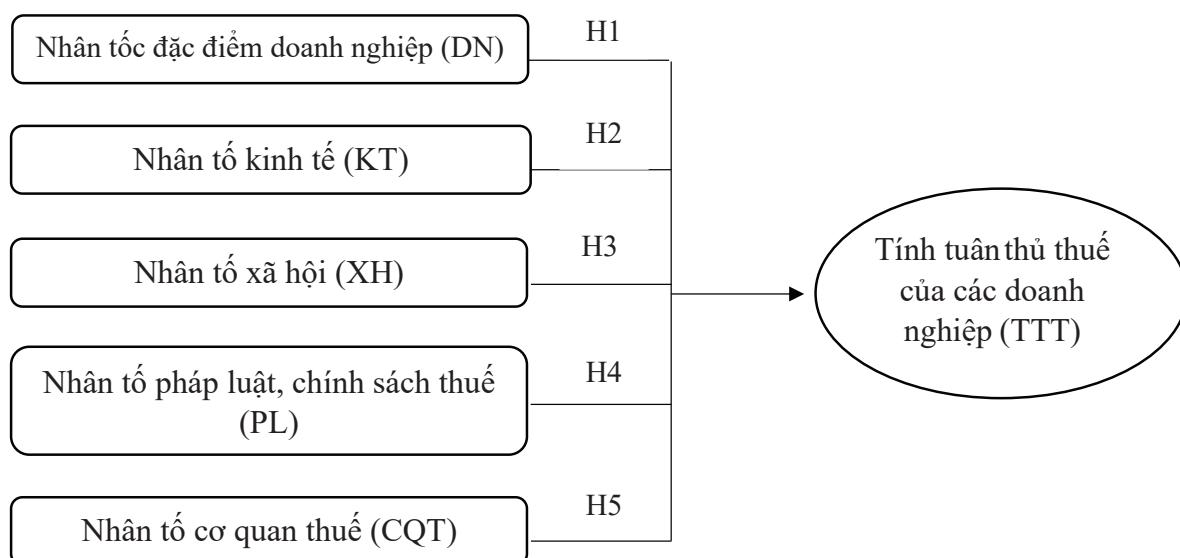
Các quy trình, thủ tục quản lý thuế hiệu quả sẽ hỗ trợ cơ quan thuế trong việc thực hiện nhiệm vụ. Nếu cơ quan thuế có thể hiểu được tại sao người nộp thuế tuân thủ hay không tuân thủ thuế thì cơ quan thuế sẽ đặt mình vào vị trí của người nộp thuế tốt hơn để nhận được mức tuân thủ tốt hơn (Saker, 2003). Việc cung cấp các công tác tư vấn, hỗ trợ người nộp thuế; giải quyết khiếu nại kịp thời, chính đáng và dịch vụ hiệu quả cho người nộp thuế sẽ ảnh hưởng tích cực đến tính tuân thủ thuế (Lalo, 2019). Tuy nhiên, để vận hành được các quy trình quản lý tiên tiến đòi hỏi các cán bộ ngành thuế cần có kiến thức chuyên ngành và trình độ công nghệ thông tin phù hợp. Do đó, trình độ công nghệ tin học của cán bộ ngành thuế được coi là một nhân tố ảnh hưởng tới sự tuân thủ thuế (Bùi Ngọc Toàn, 2017).

H5: Nhân tố cơ quan thuế có tác động thuận chiều với tính tuân thủ thuế tại các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.6. Biến phụ thuộc – Nhân tố tuân thủ thuế (TTT)

Việc tuân thủ thuế là hành vi của người nộp thực hiện kê khai, tính thuế và nộp thuế đầy đủ, đúng đắn theo các quy định, pháp luật thuế hiện hành mà không cần chờ đợi, theo dõi hành động từ cơ quan có thẩm quyền (Singh & Bhupalan, 2001). Trong đó tính tuân thủ thuế có thể xem xét qua hai khía cạnh bắt buộc và tự nguyện. Việc tuân thủ thuế bắt buộc chủ yếu dựa vào quyền lực của chính phủ, trong khi đó việc tuân thủ thuế tự nguyện phần lớn được quyết định bởi sự tin tưởng của người nộp thuế đối với cơ quan thuế (Kirchler & cộng sự, 2008).

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu tiềm nhiệm và điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội theo ý kiến chuyên gia, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới tính tuân thủ thuế như Hình 1.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu sơ cấp thu thập từ các phiếu khảo sát gửi tới nhà quản trị của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Phiếu khảo sát gồm 2 phần: Phần 1 là thông tin chung, phần 2 gồm các câu hỏi theo thang đo Likert 5 mức độ về ảnh hưởng của các nhân tố đến tính tuân thủ thuế của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo Tabachnick & Fidell (2007), kích thước mẫu cho mô hình hồi quy đa biến được tính theo công thức: $N \geq 50 + 8p$ trong đó p là số biến độc lập. Trong nghiên cứu này số biến độc lập được xác định là 5 biến, do đó kích thước mẫu tối thiểu là 90. Để đảm bảo tính khách quan, tin cậy, tác giả đã gửi 235 phiếu khảo sát và nhận về 220 phiếu hợp lệ để đưa vào phân tích.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Bảng 1: Mô tả biến độc lập và biến phụ thuộc

Biến	Mã hoá	Diễn giải	Nguồn tham khảo
Nhân tố đặc điểm doanh nghiệp (DN)	DN1	Quy mô của doanh nghiệp	Coolidge & Ilic (2009), OECD (2004), Nguyễn Thị Lệ Thủy (2009), Alabede & Affrin (2011), Torgler (2003)
	DN2	Loại hình sở hữu của doanh nghiệp	
	DN3	Tình hình tài chính của doanh nghiệp	
	DN4	Sự hiểu biết về pháp luật thuế	
Nhân tố kinh tế (KT)	KT1	Tình hình lạm phát của nền kinh tế	Hamza & Mulugeta (2018), Nguyễn Thị Lệ Thủy (2009), James & Alley (2002)
	KT2	Lãi suất thị trường	
	KT3	Mức độ hội nhập kinh tế quốc tế	
	KT4	Hiệu quả của chi tiêu công từ tiền thuế	
	KT5	Chi phí tuân thủ thuế	
Nhân tố xã hội (XH)	XH1	Vai trò / vị thế / danh tiếng của doanh nghiệp trong xã hội	Battiston & Gamba (2013), Kostitsa & Sittler (2017), Kirchler & cộng sự (2008), Liu (2014), Bobek & cộng sự (2007), Torgler (2007)
	XH2	Các chuẩn mực, quy tắc xã hội (văn hoá về thuế)	
	XH3	Tính công bằng trong xã hội	
Nhân tố pháp luật, chính sách thuế (PL)	PL1	Sự ổn định của các quy định, chính sách pháp luật về thuế	Lalo (2019), Sigle & cộng sự (2022), Bùi Ngọc Toàn (2017), Singh & Bhupalan (2001), Kirchler & cộng sự (2008)
	PL2	Các kẽ hở trong chính sách pháp luật về thuế	
	PL3	Sự răn đe của các biện pháp, chế tài trong việc xử lý hành vi gian lận thuế	
	PL4	Tính hiệu quả của các chính sách thuế	
Nhân tố cơ quan thuế (CQT)	CQT1	Công tác kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan thuế	Jackson & Jaouen (1989), Lalo (2019), Saker (2003), Bùi Ngọc Toàn (2017), Kirchler & cộng sự (2008)
	CQT2	Trình độ công nghệ tin học của cán bộ ngành thuế	
	CQT3	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thuế của cơ quan thuế	
	CQT4	Quy trình quản lý thuế	
	CQT5	Các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ người nộp thuế	
Biến phụ thuộc – Nhân tố tuân thủ thuế (TTT)	TTT1	Doanh nghiệp Ông / Bà luôn khai báo chính xác các khoản thuế	Singh & Bhupalan (2001), Bùi Ngọc Toàn (2017), Kirchler & cộng sự (2008)
	TTT2	Doanh nghiệp Ông / Bà luôn thanh toán khoản thuế đầy đủ, đúng hạn	
	TTT3	Doanh nghiệp Ông / Bà hoàn toàn tuân thủ quy định trong kê khai thuế	

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua việc nghiên cứu tổng quan các vấn đề nghiên cứu kết hợp phỏng vấn

sâu và thảo luận nhóm với các chuyên gia để khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến tính tuân thủ thuế của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Biến độc lập, biến phụ thuộc, thang đo và nguồn được trình bày chi tiết trong Bảng 1.

3.3. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu thu thập từ bảng câu hỏi khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Đầu tiên, nghiên cứu tiến hành đánh giá độ tin cậy của thang đo với yêu cầu giá trị Cronbach's Alpha $> 0,7$. Sau đó, nghiên cứu phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm xác định “giá trị hội tụ” và “giá trị phân biệt của thang đo” với yêu cầu hệ số tải nhân tố (Factor loading) $> 0,5$; hệ số KMO $\geq 0,5$ và ≤ 1 ; giá trị Sig. $< 0,05$; đồng thời phương sai trích $> 50\%$. Phương pháp rút trích nhân tố được sử dụng là phương pháp xoay các nhân tố Varimax. Tiếp theo, nghiên cứu kiểm định lại độ tin cậy của thang đo với hệ số Cronbach's Alpha sau khi đã loại bỏ các chỉ báo không phù hợp và phân tích tương quan giữa các biến. Cuối cùng tiến hành phân tích mô hình hồi quy bội để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng biến độc lập đến biến phụ thuộc.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định thực nghiệm cho rằng các biến đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp lớn hơn 0,3 và có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 nên các biến đều phù hợp để thực hiện các phân tích tiếp theo (xem Bảng 2).

Bảng 2: Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Đặc điểm doanh nghiệp (DN): Cronbach's Alpha = 0,797				
DN1	11,16	6,137	0,666	0,763
DN2	11,19	6,609	0,575	0,804
DN3	11,27	5,960	0,652	0,770
DN4	11,12	6,072	0,680	0,756
Kinh tế (KT): Cronbach's Alpha = 0,824				
KT1	13,55	10,020	0,630	0,785
KT2	13,54	9,410	0,664	0,775
KT3	13,48	10,132	0,604	0,793
KT4	13,46	10,560	0,557	0,806
KT5	13,49	10,004	0,633	0,784
Xã hội (XH): Cronbach's Alpha = 0,827				
XH1	7,23	3,199	0,647	0,798
XH2	7,37	2,964	0,710	0,736
XH3	7,48	2,908	0,699	0,748
Pháp luật (PL): Cronbach's Alpha = 0,797				
PL1	11,27	6,327	0,585	0,759
PL2	11,26	6,640	0,589	0,756
PL3	11,18	6,168	0,677	0,712
PL4	11,18	6,640	0,586	0,757
Cơ quan thuế (CQT): Cronbach's Alpha = 0,790				
CQT1	14,61	9,152	0,594	0,743
CQT2	14,59	9,248	0,649	0,725
CQT3	14,56	10,266	0,493	0,774
CQT4	14,58	9,624	0,551	0,757
CQT5	14,60	9,858	0,560	0,754
Tính tuân thủ thuế của các doanh nghiệp (TTT): Cronbach's Alpha = 0,764				
TTT1	7,37	1,311	0,573	0,712
TTT2	7,34	1,303	0,651	0,622
TTT3	7,30	1,435	0,569	0,714

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS

4.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố khám phá với biến độc lập được chi tiết trong Bảng 3.

Kết quả nghiên cứu cho thấy 21 biến quan sát được gom thành 5 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) lớn hơn 0,5. Hệ số KMO là 0,775 (trong khoảng từ 0,5 đến 1); Giá trị

Eigenvalue bằng 1,421 (>1); Tổng phương sai trích là 63,204 % ($>50\%$); kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa là 0,000 (nhỏ hơn 5 %). Như vậy, các biến độc lập thỏa mãn hai điều kiện là “Giá trị hội tụ” (các biến quan sát hội tụ về cùng một nhân tố) và “Giá trị phân biệt” (các biến quan sát thuộc về nhân tố này phân biệt với nhân tố khác).

Bảng 3: Ma trận xoay trong phân tích EFA đối với biến độc lập

Biến quan sát	Thành phần				
	1	2	3	4	5
KT2	0,795				
KT1	0,773				
KT5	0,772				
KT3	0,763				
KT4	0,706				
CQT2		0,808			
CQT1		0,762			
CQT5		0,708			
CQT4		0,706			
CQT3		0,679			
DN4			0,838		
DN3			0,790		
DN1			0,758		
DN2			0,730		
PL3				0,831	
PL2				0,783	
PL1				0,719	
PL4				0,716	
XH2					0,883
XH3					0,863
XH1					0,808

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS

Phân tích nhân tố khám phá EFA với biến phụ thuộc (xem Bảng 4).

Bảng 4: Kiểm định KMO và kiểm định Bartlett

Hệ số KMO	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	0,684
	df	169,529
Kiểm định Bartlett	Sig.	3
		0,000

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS

Kết quả phân tích yếu tố khám phá EFA đối với biến phụ thuộc cho thấy phân tích rút trích được một nhân tố (tính tuân thủ thuế của các doanh nghiệp - TTT) với chỉ số KMO là 0,684 (lớn hơn 0,5), chỉ số Eigenvalue là 2,043 (lớn hơn 1), tổng phương sai trích được là 68,1 % ($> 50\%$), kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa là 0,000 (nhỏ hơn 5%). Vậy, biến tính tuân thủ thuế của các doanh nghiệp (TTT) là đạt điều kiện là biến phụ thuộc để đưa vào phân tích các bước tiếp theo.

4.3. Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Để đánh giá độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính bội, tác giả sử dụng hệ số xác định R^2 hiệu chỉnh. Đồng thời trị số Durbin – Watson dùng để kiểm tra hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất (Bảng 5).

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R^2	Hệ số R^2 hiệu chỉnh	Sai số chuẩn	Hệ số Durbin-Watson
1	0,852	0,725	0,719	0,29143	1,995

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS

Kết quả phân tích đưa ra kết quả hệ số R^2 hiệu chỉnh bằng 0,719 cho thấy các biến độc lập đưa vào mô hình ảnh hưởng 71,9% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 28,1% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Hệ số Durbin – Watson bằng 1,995 (nằm trong khoảng 1,5 đến 2) nên không có hiện tượng

tự tương quan chuỗi bậc nhất xảy ra. Theo kết quả ANOVA, giá trị F bằng 112,882, Sig kiểm định F bằng $0,000 < 0,05$ như vậy mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu.

Bảng 6. Kết quả mô hình hồi quy các nhân tố tác động

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số chuẩn hoá β	Thống kê t	Mức ý nghĩa Sig. (t)	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn				Hệ số Tolerance	VIF
(Constant)	-0,194	0,175		-1,106	0,270		
DN	0,254	0,028	0,373	9,239	0,000	0,787	1,271
KT	0,220	0,026	0,310	8,491	0,000	0,962	1,040
XH	0,054	0,024	0,083	2,251	0,025	0,954	1,048
PL	0,261	0,027	0,390	9,808	0,000	0,815	1,228
CQT	0,272	0,027	0,375	10,178	0,000	0,948	1,054

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS

Sig kiểm định t hệ số hồi quy của các biến độc lập đều nhỏ hơn 0,05, do đó các biến độc lập đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc, không biến nào bị loại khỏi mô hình. Hệ số VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Các hệ số hồi quy đều lớn hơn 0, có nghĩa các biến độc lập đưa vào phân tích có tác động cùng chiều tới biến phụ thuộc.

4.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy 5 nhân tố độc lập đều có ý nghĩa, tác động thuận chiều lên biến phụ thuộc. Cụ thể:

Nhân tố chính sách, pháp luật thuế có tác động mạnh nhất đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội do có hệ số β bằng 0,390. Kết quả nghiên cứu thể hiện nếu các chính sách, pháp luật thuế càng ổn định, rõ ràng, đảm bảo tính nghiêm minh thì tính tuân thủ thuế càng cao. Do vậy, các cơ quan ban hành chính sách, pháp luật thuế cần nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật về thuế, loại bỏ các kẽ hở trong chính sách, pháp luật thuế để ngăn ngừa các trường hợp trốn thuế, chống thất thu thuế.

Nhân tố cơ quan thuế là nhân tố tác động mạnh thứ hai đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội với hệ số β bằng 0,375. Việc gia tăng mức độ kiểm tra, thanh tra sẽ làm giảm bớt hành vi gian lận của người nộp thuế. Do vậy, các cơ quan thuế cần tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra thuế để phát hiện kịp thời các trường hợp không tuân thủ thuế, từ đó có chế tài xử phạt phù hợp. Nội dung tập trung vào kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại các doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết, kiểm tra việc kê khai và nộp thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, tăng cường kiểm tra thuế trong lĩnh vực hóa đơn; đánh giá, phân loại rủi ro các hồ sơ hoàn thuế để thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với các hồ sơ xác định có rủi ro cao; tăng cường phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để đấu tranh chống các hành vi trốn thuế, gian lận thuế... Ngoài ra, các cơ quan thuế cần tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật; kịp thời thông tin tới doanh nghiệp về những chính sách thuế mới được ban hành sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp nắm bắt được và thực hiện đúng theo quy định.

Nhân tố đặc điểm doanh nghiệp là nhân tố tác động mạnh thứ ba đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội với hệ số β bằng 0,373. Điều này thể hiện nếu doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt cùng với đầy đủ kiến thức về pháp luật thuế thì tính tuân thủ thuế của các doanh nghiệp sẽ cao hơn.

Nhân tố kinh tế là nhân tố tác động mạnh thứ tư đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội với hệ số β bằng 0,310. Tính tuân thủ thuế của các doanh nghiệp sẽ tăng lên tùy thuộc vào tình hình lạm phát, lãi suất thị trường, mức độ hội nhập kinh tế, và hiệu quả của chi tiêu công từ tiền thuế.

Nhân tố nhân tố xã hội là nhân tố tác động ít nhất đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội với hệ số β bằng 0,083. Điều này cho thấy các doanh nghiệp bị tác động bởi chuẩn mực và quy tắc xã hội nhưng mức độ ảnh hưởng không lớn. Việc không tuân thủ thuế có thể ảnh hưởng tới vị thế, danh tiếng của doanh nghiệp trên thị trường nhưng chưa đủ mạnh mẽ để ngăn chặn các

hành vi gian lận thuế. Các doanh nghiệp sẽ đưa ra quyết định về việc có tuân thủ thuế hay không bằng cách xem xét các lợi ích và chi phí từ việc tuân thủ thuế.

5. Kết luận

Với mục tiêu nghiên cứu sự ảnh hưởng của các nhân tố đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội, tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tất cả 5 nhân tố được lựa chọn đều có ảnh hưởng thuận chiều đến tính tuân thủ thuế của các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong đó, nhân tố Chính sách, pháp luật thuế có ảnh hưởng lớn nhất đến sự tuân thủ thuế, tiếp theo là nhân tố cơ quan thuế. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để góp phần giúp các cơ quan thuế hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế, cải tiến quy trình quản lý thuế theo hướng tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp trong việc tuân thủ thuế nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý thuế.

Mặc dù nghiên cứu đã giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu đề ra, tuy nhiên nghiên cứu vẫn không tránh khỏi những hạn chế sau:

Một là, phạm vi nghiên cứu chỉ giới hạn đối với các doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội nên chưa bao quát được các doanh nghiệp trong các ngành nghề, lĩnh vực khác và trên địa bàn các tỉnh, thành phố khác.

Hai là, kết quả nghiên cứu chỉ giải thích được 71,9% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Điều này chứng tỏ còn có những nhân tố khác ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế của doanh nghiệp mà nghiên cứu chưa đề cập đến.

Từ những hạn chế của nghiên cứu, định hướng các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng nội dung nghiên cứu sự ảnh hưởng của các nhân tố đến hành vi tuân thủ thuế của các loại hình doanh nghiệp khác với việc nghiên cứu bổ sung thêm các nhân tố ảnh hưởng mới.

Tài liệu tham khảo

- Alabede, J. O., & Affrin, Z. Z. (2011), 'Public governance quality and tax compliance behavior in Nigeria: The moderating role of financial condition and risk preference', *Issues in Social and Environmental Accounting*, 5(1/2), 3-24.
- Battiston, P., & Gamba, S. (2013), 'Is Tax Compliance a Social Norm? A Field Experiment', *Management and Statistics Working Paper*, 249, 15-28.
- Bobek, D. D., Hatfield, R. C., & Wentzel, K. (2007), 'An Investigation of Why Taxpayers Prefer Refunds: A Theory of Planned Behavior Approach', *The Journal of the American Taxation Association*, 29(1), 93-111.
- Bùi Ngọc Toàn (2017), 'Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của doanh nghiệp – nghiên cứu thực nghiệm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh', *Tạp chí Khoa học – Đại học Huế*, 5A, 77-88.
- Coolidge, J. & Ilic, D. (2009), *Tax compliance perceptions and formalization of small businesses in South Africa*, World Bank Policy Research Working Paper No. 4992.
- Hamza, M. A., & Mulugeta, S. (2018), 'Determinants of tax compliance behavior in presumptive taxation system. The case of dire dawa administration', *Research Journal of Finance and Accounting*, 9(11), 101-110.
- Hyun, J. K. (2005), 'Tax Compliances in Korea and Japan: Why are they different? Policy Research Institute', *The Journal of The Korean Economy*, 7(1), 135-153.
- Jackson, B., & Jaouen, P. (1989), 'Influencing taxpayer compliance through sanction threat or appeals to conscience', *Advances in Taxation*, 2, 131-147.
- James, S., & Alley, C. (2002), 'Tax compliance, self-assessment and tax administration', *Journal of Finance and Management in Public Services*, 2(2), 27-42.
- Kirchler, E. (2007), *The Economic Psychology of Tax Behaviour*, Cambridge University Press, Cambridge.
- Kirchler, E., Hoelzl, E., & Wahl, I. (2008), 'Enforced versus voluntary tax compliance: The "slippery slope" framework',

- Kostritsa, M. & Sittler, I. (2017), 'The Impact of Social Norms, Trust, and Fairness on Voluntary Tax Compliance in Austria', *Management, University of Primorska*, 12(4), 333-353. DOI: 10.26493/1854-4231.12.333-353.
- Lalo, A. (2019), 'Effects of taxpayer compliance with taxpayer consciousness as intervening variable', *Advances in Social Sciences Research Journal*, 6(1), 168-180.
- Liu, X. (2014), 'Use Tax Compliance: The Role of Norms, Audit Probability, and Sanction Severity', *Academy of Accounting and Financial Studies Journal*, 18(1), 65-80.
- Sigle, M. A., Goslinga, S., Spekle, R. F., van der Hel, L. E. C. T. M. (2022), 'The cooperative approach to corporate tax compliance: An empirical assessment', *Journal of International Accounting, Auditing and Taxation*, 46, 100447. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.intaccudtax.2022.100447>.
- Ngô Thị Hồng Ánh (2020), 'Doanh nghiệp chuyển nhượng bất động sản ở Việt Nam: Khe hở pháp luật thuế và khuyến nghị', *Tạp chí Công thương*, Tháng 2, 15-20.
- Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009), 'Hoàn thiện quản lý thu thuế của Nhà nước nhằm tăng cường sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp – Nghiên cứu tình huống của Hà Nội', Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- OECD (2004), *Compliance Risk Management: Managing and Improving Tax Compliance*, Forum on Tax Administration, Centre for Tax Policy and Administration.
- Quốc hội (2019), *Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14*, ban hành ngày 13 tháng 06 năm 2019.
- Sarker, T. K. (2003), 'Improving tax compliance in developing countries via self – assessment system – what could Bangladesh learn from Japan', *Asia Pacific Tax Bulletin*, 9(6), 1-48.
- Singh, V. & Bhupalan, R (2001), 'The Malaysian self assessment systems of taxation: Issues and challenges', *Tax Nasional*, 3rd quarter, 12-17.
- Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (2007), *Using Multivariate Statistics (5th ed.)*, Allyn and Bacon, New York.
- Torgler, B. (2003), 'Tax morale: Theory and analysis of tax compliance', Unpublished doctoral dissertation, University of Zurich, Switzerland.
- Torgler, B. (2007), *Tax compliance and tax morale: A theoretical and empirical analysis*, Edward Elgar, Cheltenham, England.